

ĐỊA DANH HỌC VIỆT NAM Ở TRUNG QUỐC: HIỆN TRẠNG VÀ TRIỂN VỌNG

TRẦN KẾ HOA*

Đặt vấn đề

Rất nhiều sử sách và du địa chí Trung Quốc đều có ghi chép địa danh Việt Nam. Tuy nhiên, các công trình địa danh học ở Trung Quốc chỉ ghi chép nguồn gốc và ý nghĩa địa danh, chứ không nghiên cứu đa chiều và tổng hợp, cho nên chưa phát triển thành một ngành nghiên cứu độc lập. Địa danh học Việt Nam (ĐDHVN) ở Trung Quốc cũng vậy: Liệt kê nhiều, tổng kết ít; thường biên khảo một vài địa danh, ít nhận xét trên bình diện tổng thể.

Địa danh học hiện đại ở Trung Quốc được hình thành và phát triển từ những năm đầu thế kỷ XX. Trong quá trình này, ĐDHVN ở Trung Quốc cũng dần dần được mở rộng từ duyên cách đơn nhất sang cách tiếp cận tổng hợp gồm địa lý học lịch sử (historical geography), ngôn ngữ văn hoá và địa danh học ứng dụng. Sau đây, bài viết này sẽ điểm lại cả ba cách tiếp cận trên đây.

I. Nghiên cứu địa lý học lịch sử về địa danh Việt Nam

Khá nhiều học giả Trung Quốc coi địa danh học là một chi nhánh của địa lý học

lịch sử (1). Cách phân loại này vừa là do sự ảnh hưởng của địa danh học truyền thống của Trung Quốc, vừa là do sự gắn bó chặt chẽ giữa địa danh và phương pháp địa lý học lịch sử. Trung Quốc và Việt Nam có quan hệ lịch sử, văn hoá đặc biệt, nên ĐDHVN ở Trung Quốc nói riêng, ĐDHVN nói chung đều không thể không áp dụng phương pháp địa lý học lịch sử. Sử học và ngôn ngữ - văn hoá là hai lĩnh vực truyền thống của Việt Nam học ở Trung Quốc (2), cho nên, trước hết phải điểm lại ĐDHVN ở Trung Quốc trong lĩnh vực địa lý học lịch sử.

Theo thu thập của chúng tôi, *An Nam trong thời kỳ quận huyện* (1945) của Lê Chính Phủ là một trong những công trình về địa danh Việt Nam sớm nhất. Cuốn sách này đã nghiên cứu giai đoạn lịch sử Việt Nam từ nhà Tần, Hán đến Minh thuộc, lược khảo một số địa danh Việt Nam, và trên cơ sở đó tổng kết đặc điểm duyên cách của các đơn vị hành chính Việt Nam: "Nhiều quận, huyện được lập mới hoặc sát nhập, xoá bỏ, đặc biệt là sau đời Lương, đời Trần. Khảo về vị trí và quá trình thay đổi của chúng thực sự là một công việc phức tạp" (3).

* ThS. Trường Đại học Ngoại ngữ Ngoại thương Quảng Đông - Trung Quốc

Một số công trình địa lý học lịch sử Việt Nam của nước ngoài được phiên dịch ở Trung Quốc. Trước hết, Phùng Thừa Quân đã dịch các công trình *Khảo về quận Tượng đời Tần Hán*, *Khảo về địa giới An Nam đô hộ phủ đời Đường ...* của Maspero, *Bổ di sử liệu Chiêm Thành*, *Khảo về nhà Tần chiếm An Nam* (La premiere conquete Chinoise des Pays Annamites) của L. Arousseau và sách chuyên khảo *Lịch sử Chăm-pa* của Maspero. Ngoài ra, còn viết *Bảng duyên cách tỉnh, lộ An Nam*. Một số địa danh Việt Nam cổ đại được khảo cứu trong các công trình trên. Phùng Thừa Quân nhận thấy rằng việc Việt Nam đổi dùng chữ quốc ngữ sẽ gây ra ảnh hưởng to lớn tới việc sử dụng, nghiên cứu địa danh Việt Nam: "Địa chí cận đại của Việt Nam ít được người Trung Quốc biết đến. Từ khi quốc ngữ Việt Nam được phổ biến, Hán văn gần như bị bỏ hết. Khi đọc sách sử địa Việt Nam do người Tây viết, nếu không thạo tiếng Việt thì khó mà khôi phục tên cũ được" (4). Sau đó, Dới Khả Lai đã dịch *Đất nước Việt Nam qua các đời* (1973) một công trình tiêu biểu của nhà sử học Việt Nam Đào Duy Anh. Tác giả còn hiệu chú *Gia Định thành thông chí* (1991) của Trịnh Hoài Đức, trong đó ghi chú sự thay đổi của một số địa danh hành chính, và xử lý sơ bộ địa danh chữ Nôm. *Lĩnh ngoại đại đáp* do Dương Vũ Tuyền hiệu chú (1999) đã khảo về các địa danh Thái Bình Trại, Ôn Nhuân Trại... Cảnh Huệ Linh có bài viết *Diễn tích địa danh trên văn khắc Việt Nam*.

Khi phiên dịch, hiệu đính, chú thích các loại cổ tịch về thông sử Việt Nam và lịch sử giao thông, các học giả Trung Quốc cũng có chú thích địa danh Việt Nam hữu quan, ví dụ *Đại Việt sử ký toàn thư hiệu đính* (1984-1986), *Đại Việt sử lược hiệu đính* (1987) của Trần Kinh Hoà, *An Nam chí lược* (1987) do

Vũ Thượng Thanh hiệu chú, *Việt Nam thông sử* (1992) do Dới Khả Lai phiên dịch, *Dinh Nhai Thắng Lãm* (1935) do Phùng Thừa Quân hiệu chú, *Sử liệu giao thông giữa Trung Quốc và phương Tây* (1977) do Trương Tinh Lương chủ biên, *Chư phan chí* (1998) do Dương Bác Văn hiệu chú, *Đạo di chí lược* (1999) do Tô Kế Thịnh hiệu chú... Các quyển *Chú thích địa dư trong chính sử các đời* do Đàm Kỳ Tương chủ biên có thu thập các chú thích của chính sử đối với địa danh Việt Nam trong thời kỳ Bắc thuộc.

Một số sách chuyên khảo và bài viết bắt đầu bàn về địa danh Việt Nam dưới góc nhìn nhân văn, lịch sử và xã hội, ví dụ *Quá trình nhà Minh lập và bỏ quận huyện ở An Nam* (1961) của Trần Chương, *Sự thay đổi của tên nước và phân cấp đơn vị hành chính* (1993) của Trần Ngọc Long, *Cội nguồn Giao Chỉ* (1994) của Điền Hiểu Văn, *Quan hệ phụ thuộc của An Nam trong giai đoạn giữa và cuối nhà Đường* (1998) của Mao Hán Quang, *Nước Đô Nguyên trong Hán Thư nên ở Ốc Eo Việt Nam* (2006) của Tưởng Quốc Học, luận án tiến sĩ *An Nam đô hộ phủ và biên cương miền Nam nhà Đường* (2010) của Trần Quốc Bảo. *Đại từ điển địa danh lịch sử Trung Quốc* (2005) do Sử Vi Lạc chủ biên đã thu thập và khảo chứng tỉ mỉ các địa danh Việt Nam trong thời kỳ Bắc thuộc. *Dấu tích cổ đại trong địa danh Việt Nam* (5) của Quách Thanh Ba đưa ra kết luận là chế độ hành chính Trung Quốc ảnh hưởng mạnh đến địa danh Việt Nam, tuy nhiên sự ảnh hưởng này đang ngày càng suy giảm.

Các công trình về địa lý hành chính cũng có bàn về địa danh lịch sử của Việt Nam, ví dụ *Địa lý hành chính Tây Hán* (1987) của Chu Chấn Hạc, *Cương vực và đơn vị hành chính Lục Triều* (2001) của Hồ Á Tường, *Địa lý chí Tam Quốc* (2004) của

Lưu Doãn Lân, *Địa lý hành chính nhà Ngõ Trung Quốc* (2008) của Trần Kiện Mai... Gần đây nhất là *Thông sử đơn vị hành chính Trung Quốc* do Chu Chấn Hạc chủ biên, trong đó quyển nhà Đường do Quách Thanh Ba viết đã thu thập, khảo chứng hơn 200 địa danh lịch sử Việt Nam. Luận án tiến sĩ *Địa lý hành chính nhà Nguyên* (1989) của Vương Đình, *Các phủ châu lệ thuộc nhà Đường* (1997) của Lưu Thống có nghiên cứu khá sâu về địa danh hành chính đời Đường và đời Minh.

Địa điểm của quận Tượng đời Tần, Hán là một vấn đề địa danh Việt Nam được học giả Trung Quốc tranh cãi gay gắt nhất. Một phái là quan điểm của *Hán thư - Địa lý chí* (do L. Aurousseau khảo chứng) với những học giả như Phùng Thừa Quân, Quách Mạc Như, Trình Quang Dự, Đàm Thánh Mẫn... Phái thứ hai là quan điểm của *Hán thư Chiêu Đế kỷ* (do Maspero, Đào Duy Anh khảo chứng) với các chuyên gia như Đàm Kỳ Lân, Mông Văn Thông, Chu Chấn Hạc...

Qua những phân tích trên, có thể nhìn thấy rằng, ĐDHVN ở Trung Quốc dưới góc nhìn địa lý học lịch sử có ba đặc điểm sau đây:

Thứ nhất, vẫn thiên về duyên cách và khảo cứu do sự ảnh hưởng của địa danh học truyền thống, mà ít quan tâm đến quan hệ tương tác giữa địa danh và môi trường xã hội. Các nhà địa lý học lịch sử Trung Quốc thường chỉ dựa vào sách cổ, cho nên chỉ có thể nghiên cứu địa danh Việt Nam chép bằng chữ Hán, trong đó địa danh hành chính là chính. Nếu có thể tiến hành điền dã, hợp tác với đồng nghiệp Việt Nam, chắc có thể đi sâu hơn nữa, chứ không phải chỉ phản biện dựa vào sử liệu trong sách cổ để biện luận.

Thứ hai, đối với địa lý học lịch sử cận hiện đại của Trung Quốc, phiên dịch, hiệu

chú luôn luôn có vị trí quan trọng. Một mặt, khi Tây học du nhập Trung Quốc, khoa học xã hội của Trung Quốc lạc hậu hơn so với phương Tây, cho nên phiên dịch công trình nghiên cứu địa danh Việt Nam của học giả phương Tây cũng trở nên cần thiết. Ý nghĩa của dịch phẩm Phùng Thừa Quân là đưa phương pháp ngôn ngữ học so sánh lịch sử vào địa danh học, làm cho phương pháp nghiên cứu của địa danh học phá vỡ sự hạn chế của địa danh học truyền thống (6). Mặt khác, ở thời kỳ cận hiện đại, một số thành quả nghiên cứu lịch sử, cương vực của tác giả Việt Nam dưới góc nhìn riêng của Việt Nam đã ra đời. Những công trình này có giá trị tham khảo đối với học giả Trung Quốc, cho nên cần lựa chọn để phiên dịch và hiệu chú. Ví dụ, *Việt Nam sử lược* của Trần Trọng Kim "là bộ thông sử Việt Nam đầu tiên viết bằng chữ quốc ngữ với lập trường khách quan, sử liệu đáng tin cậy, đánh dấu một giai đoạn mới của sử học Việt Nam" (7). Chính vì vậy, dịch phẩm mang tên *Việt Nam thông sử* đã trở thành sách chuyên khảo không thể thiếu cho việc nghiên cứu lịch sử Việt Nam.

Thứ ba, công trình khoa học hiện có ít nghiên cứu địa danh Việt Nam sau thời kỳ Bắc thuộc. Nguyên nhân chính là các nhà địa lý học lịch sử ở Trung Quốc chưa coi Việt Nam là một đối tượng nghiên cứu độc lập, cho nên đa số công trình là nhằm phục vụ cho nghiên cứu địa lý học lịch sử Trung Quốc. Chúng tôi cho rằng, phải coi địa danh Việt Nam là một đối tượng nghiên cứu chính thể, từ cổ đại đến cận đại, mới có thể phác họa ra toàn cảnh của địa danh Việt Nam dưới góc nhìn địa lý học lịch sử.

II. Nghiên cứu ngôn ngữ văn hoá về địa danh Việt Nam

Địa danh là một hiện tượng ngôn ngữ đặc biệt. Dưới hình thức ngôn ngữ này,

thường ẩn chứa những bản sắc văn hoá, có thể phản ánh bộ mặt lịch sử của đời sống xã hội. Địa danh là chất tải của ngôn ngữ và văn hoá, là một điểm kết hợp quan trọng của ngôn ngữ học và văn hoá học. Nghiên cứu ngôn ngữ văn hoá là lĩnh vực quan trọng của ĐDHVN ở Trung Quốc, tuy nhiên được triển khai khá muộn do nhiều nguyên nhân khác nhau.

Sự thay đổi của phố người Đường Tp. Hồ Chí Minh (1993) của Thẩm Lập Tân viết rằng: "Đa số đường và phố ở Chợ Lớn mang tên tiếng Pháp, biển đường và phố là tên dịch chữ Hán" (8), trong đó có phố Quảng Đông, phố Phúc Kiến, phố Vân Nam ... Nhưng bài viết này mang tính giới thiệu hơn là nghiên cứu. *Sự ảnh hưởng của văn hoá địa danh Trung Quốc đối với Việt Nam* (2001) của Hoa Lâm Phủ đã tổng kết đặc điểm của quan hệ lịch sử văn hoá đặc biệt giữa hai nước qua địa danh Việt Nam. Các nhà địa lý học lịch sử Trung Quốc đã nghiên cứu địa danh Việt Nam khá nhiều trong khuôn khổ địa danh học truyền thống, cho nên có thể tận dụng các loại sách cổ bằng chữ Hán của Trung Quốc và Việt Nam để nghiên cứu vấn đề văn hoá của địa danh Việt Nam.

Trong khi Việt Nam học phát triển rầm rộ ở Trung Quốc, địa danh Việt Nam được quan tâm ngày càng nhiều. *Tên nước Đại Cồ Việt và phân tích ngữ nghĩa Vương Lang Quy* (2000) của Kỳ Quảng Mưu phân tích ý nghĩa của Đại Cồ Việt từ góc độ văn tự, lịch sử. *Phân loại ngữ nguyên địa danh Việt Nam* (2010) của Trần Kế Hoa lấy cách đọc Hán Việt làm tiêu chí để phân loại địa danh Việt Nam (9). Điều đáng chú ý là, mấy năm gần đây, một số luận án thạc sĩ ở Trung Quốc đã lấy địa danh Việt Nam làm đối tượng nghiên cứu, cụ thể là *Địa danh hành chính Việt Nam* (2005) của Trần Kế

Hoa, *Nghiên cứu về địa danh hành chính Việt Nam* (2007) của Lục Lợi Quân, *Nghiên cứu về địa danh Lào Cai* (2010) của Lý Lệ Quyên. Nhìn chung, Lục Lợi Quân và Lý Lệ Quyên kết hợp góc nhìn đồng đại với lịch đại, chủ yếu nghiên cứu về mặt ngôn ngữ, văn hoá của địa danh, trong khi Trần Kế Hoa chủ yếu nghiên cứu trên bình diện đồng đại nhằm mục đích ứng dụng. Các luận án thạc sĩ trên nghiên cứu sâu hơn, rộng hơn so với bài báo khoa học trên tạp chí, có ý nghĩa khá quan trọng trong việc thúc đẩy sự phát triển của ĐDHVN ở Trung Quốc.

Ngôn ngữ học văn hoá Việt Nam (2006) của Kỳ Quảng Mưu dành một chương cho mối quan hệ giữa địa danh và văn hoá - xã hội Việt Nam, cụ thể là đặc trưng ngôn ngữ học của địa danh, đặc trưng văn hoá kinh tế của địa danh, địa danh với tâm lý dân tộc, địa danh với lịch sử văn hoá và chính trị (10). *Nghiên cứu về ngôn ngữ và văn hoá Việt Nam* (2008) của Phạm Hồng Quý đã nghiên cứu về văn hoá địa danh, qua đó khảo sát một số biến đổi trong lịch sử Việt Nam (11). Địa danh Việt Nam đi vào hai công trình chuyên khảo trên, đánh dấu nó đã trở thành đối tượng không thể thiếu trong nghiên cứu ngôn ngữ, văn hoá Việt Nam nói riêng, trong Việt Nam học nói chung.

Nghiên cứu ngôn ngữ, văn hoá của địa danh Việt Nam ở Trung Quốc có ba đặc điểm như sau:

Thứ nhất, chủ thể nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu ngày càng mang tính liên ngành. Các ngành địa lý học lịch sử, ngôn ngữ học văn hoá, dân tộc học đều quan tâm đến đặc trưng ngôn ngữ, văn hoá của địa danh Việt Nam. Sự trùng hợp này là do vị trí quan trọng của địa danh Việt Nam trong hệ thống Việt Nam học ở Trung

Quốc. Trong lĩnh vực này, phương pháp phân tích đa ngành dần dần được áp dụng, thể hiện rõ rệt đặc trưng đa ngành của địa danh học.

Thứ hai, đội ngũ nghiên cứu được bổ sung và trẻ hoá. Ngoài chuyên gia, học giả nổi tiếng ra, một số nhà nghiên cứu trẻ trong ngành Việt Nam học, địa lý học lịch sử cũng bắt đầu nghiên cứu địa danh Việt Nam, tiêu biểu nhất là ba luận án thạc sĩ như trên đã đề cập.

Thứ ba, số lượng thành quả nghiên cứu vẫn còn ít. Ngay cả số người trong ngành Việt Nam học ở Trung Quốc cũng có hạn; chứ chưa nói đến số người nghiên cứu về địa danh Việt Nam. Giới địa lý học lịch sử Trung Quốc cũng mới bắt đầu đi vào lĩnh vực này. Như vậy, số lượng và chất lượng nghiên cứu đều còn hạn chế đáng kể. Cái khoảng trống này sẽ được bù lại dưới sự cố gắng chung của các ngành khoa học hữu quan ở Trung Quốc.

III. Nghiên cứu ứng dụng xã hội của địa danh Việt Nam

Nghiên cứu về ứng dụng xã hội của địa danh Việt Nam thuộc phạm trù địa danh học ứng dụng (practical toponymy). Địa danh học ứng dụng là một chi nhánh của địa danh học, chủ yếu nghiên cứu về ngữ âm, cách viết của địa danh, xử lý địa danh nước ngoài trong tiếng Trung (transformation of geographical names from foreign languages into Chinese) cũng như lưu trữ, tìm kiếm, quản lý địa danh. Nghiên cứu ứng dụng của địa danh Việt Nam ở Trung Quốc hiện đang tập trung trong phương pháp xử lý trong tiếng Hán.

Trong *Quy tắc xử lý địa danh nước ngoài* (1978) do Ủy ban Địa danh Trung Quốc công bố, điều 8 và điều 10 đều có liên quan đến việc xử lý địa danh Việt Nam (XLĐDVN) trong tiếng Hán. Văn bản chính

thức này đã khẳng định tính quan trọng và sự cần thiết của công tác nghiên cứu phương pháp XLĐDVN trong tiếng Hán.

Một số sách công cụ ra đời để đáp ứng nhu cầu sử dụng địa danh Việt Nam của xã hội. Ủy ban Địa danh Trung Quốc đã biên tập *Sổ tay địa danh nước ngoài* (1983), rồi thẩm định *Sổ tay địa danh thế giới* (1984) với hơn 3000 địa danh Việt Nam. Cho đến nay, hai sổ tay này vẫn là sách công cụ tra cứu địa danh nước ngoài có uy tín nhất ở Trung Quốc. *Sổ tay địa danh hành chính Việt Nam* (2004) do Tùng Quốc Thắng chủ biên đã dịch hơn 10 nghìn địa danh hành chính Việt Nam tính đến cuối năm 2002, và đặt ra một số nguyên tắc xử lý cơ bản, đặc biệt nhấn mạnh phương pháp xử lý tên chung và tên chung được sử dụng làm danh từ riêng (danh từ riêng hoá) (12).

Trong khi bàn về nguyên tắc và phương pháp cơ bản trong việc xử lý địa danh nước ngoài trong tiếng Hán, giới địa danh học Trung Quốc nhấn mạnh phải dùng nguyên chữ Hán của địa danh Việt Nam từng được ghi chép bằng chữ Hán. *Địa danh học ứng dụng* (1994) cho rằng: "Địa danh phi Hán ngữ được ghi chép bằng chữ Hán, thông thường không phiên âm, mà phải dùng nguyên cách viết chữ Hán đó. Đây là phương pháp giữ cấu hình bỏ ngữ âm" (13). Bài *Thử phân tích việc đổi tên gọi Hán Thành sang Seoul* (2005) nêu rõ, những địa danh từng được ghi chép bằng chữ Hán của Nhật Bản, Triều Tiên, Việt Nam nên được xử lý trong tiếng Hán bằng cách chuyển tự (transliteration), tức là dùng chữ Hán chuẩn hiện hành thay cho chữ Hán vốn có (14). Bài *Bàn về cách xử lý địa danh nước ngoài* nhấn mạnh phải dùng nguyên chữ Hán vốn được sử dụng để ghi chép địa danh tiếng Nhật, tiếng Triều Tiên, tiếng Việt Nam (15). *Sự thay đổi của địa giới*

hành chính Việt Nam 30 năm nay (2006) của Chu Định Quốc nhận định rằng, Việt Nam là một trong những quốc gia thay đổi địa giới nhiều nhất, thường xuyên nhất trên thế giới trong 30 năm nay, nhiều địa danh hành chính cũng thay đi đổi lại.

Nhà xuất bản Bản đồ Trung Quốc đã xuất bản Bản đồ bán đảo Đông Dương (1971) và Bản đồ Việt Nam - Lào - Cam-pu-chia (2008), trên bản đồ năm 2008 có xử lý một số địa danh Việt Nam trong tiếng Hán. Viện Nghiên cứu Địa danh thuộc Bộ Dân chính đã xây dựng một kho dữ liệu địa danh Việt Nam. Tạp chí *Địa danh học ở Trung Quốc* chủ yếu là *Địa danh Trung Quốc, Cương vực Trung Quốc*, có in một số công trình nghiên cứu về địa danh Việt Nam.

Vì địa danh Việt Nam từng được ghi chép bằng chữ Hán, nên giới địa danh học Trung Quốc luôn luôn quan tâm đến việc ứng dụng địa danh Việt Nam. Tuy nhiên, nhận thức của đội ngũ này đối với đặc điểm ngôn ngữ, chữ viết của địa danh Việt Nam bị hạn chế bởi vì không biết tiếng Việt, cách trình bày cũng quá đơn giản. Mấy năm gần đây, một số bài viết trên tạp chí khoa học và luận án thạc sĩ của giới Việt ngữ học Trung Quốc bắt đầu bàn về vấn đề này, giải quyết được một số vấn đề lý thuyết trong việc XLĐDVN trong tiếng Hán. Lý Lệ Quyên dành một chương riêng để bàn về vấn đề xử lý địa danh có nguồn gốc Quan thoại Tây Nam Trung Quốc, Trần Kế Hoa trực tiếp lấy việc XLĐDVN trong tiếng Hán làm đối tượng nghiên cứu trong cả luận án thạc sĩ lẫn một số bài báo khoa học.

IV. Những vấn đề tồn tại

Với sự cố gắng bền bỉ trong nhiều năm, ĐĐHVN ở Trung Quốc đã có thành tựu khá đáng kể, tuy nhiên cũng còn tồn tại một số

vấn đề không nhỏ, có thể gây ảnh hưởng trực tiếp tới sự phát triển của lĩnh vực này, vì thế cần phải nêu ra để tìm cách giải quyết.

Thứ nhất, tính quan trọng của địa danh Việt Nam chưa được nhận thức đúng mức. Một mặt, đối với giới nghiên cứu, giảng dạy ngoại ngữ ở Trung Quốc, công trình nghiên cứu về địa danh nước ngoài thường chỉ là sản phẩm phụ trong nghiên cứu ngôn ngữ, văn hoá "chính tông". Tuy nhiên, do quan hệ đặc biệt "đồng chủng, đồng văn" giữa Trung Quốc và Việt Nam, giá trị ngôn ngữ, văn hoá và lịch sử của địa danh Việt Nam bao giờ cũng khác hẳn địa danh của những nước nằm ngoài vùng văn hoá Hán. Mặt khác, vẫn còn một số ý kiến khác nhau trong đội ngũ Việt ngữ học. Có người cho rằng đa số địa danh Việt Nam dùng từ Hán Việt, và tên dịch của đa số địa danh lớn đã được xác định, còn các lớp địa danh khác thì không đáng quan tâm nhiều. Chúng tôi cho rằng, XLĐDVN trong tiếng Hán không chỉ là vấn đề xử lý địa danh Hán Việt, hơn thế nữa, địa danh Hán Việt còn có giá trị học thuật đặc biệt đối với Trung Quốc cũng như Việt Nam.

Thứ hai, phương pháp XLĐDVN trong tiếng Hán chưa được hoàn thiện. Địa danh Việt Nam được sử dụng ngày càng nhiều và phổ biến trong giao lưu hai nước, nhưng vẫn còn nhiều tồn tại trong phương pháp xử lý vì thiếu nghiên cứu lý thuyết, ví dụ tên chung của đơn vị hành chính không thống nhất, dùng chữ sai cho địa danh Hán Việt, xử lý địa danh chữ Nôm không hợp lý, phiên âm song song với dịch nghĩa... Theo thiếu ý của chúng tôi, phần "Địa danh chưa chép bằng chữ Hán của Triều Tiên, Nhật Bản, Việt Nam...", có thể phiên âm theo cách đọc" trong điều 10, phần "Đối với tên chung địa lý của địa danh Đông Nam Á,

thường phiên âm trước rồi lại dịch nghĩa" trong điều 8 của *Quy tắc xử lý địa danh nước ngoài trong tiếng Hán* đều cần phải sửa lại. Văn bản quy phạm đã thế, thì không cần giải thích thêm nữa về sự cấp bách và cần thiết của việc chuẩn hoá phương pháp XLĐDVN trong tiếng Hán.

Thứ ba, hợp tác nghiên cứu khoa học rất ít. Vì không biết hoặc không thạo tiếng Việt, các nhà địa danh học địa lý học lịch sử Trung Quốc chỉ có thể dùng tài liệu chữ Hán hoặc tài liệu qua phiên dịch, còn các nhà Việt ngữ học lại thiếu phương pháp nghiên cứu của địa danh học, địa lý học lịch sử. Sự giao lưu giữa 3 ngành trên còn rất ít, những thành quả nghiên cứu giao thoa hiện có hầu hết là hành vi tự phát, chứ không phải thông qua giao lưu, hợp tác liên ngành. Đồng thời, sự giao lưu về địa danh học giữa Trung Quốc và Việt Nam cũng còn quá ít, dù có cũng chỉ ở cấp độ cá nhân.

Thay cho lời kết

Địa danh Việt Nam là một đối tượng nghiên cứu rất có ý nghĩa trong chuyên ngành Việt Nam học ở Trung Quốc. Sở dĩ ĐDHVN ở Trung Quốc đạt được những thành quả trên, nguyên nhân căn bản là giá trị to lớn của địa danh Việt Nam trong lĩnh vực ngôn ngữ văn hoá và địa lý - lịch sử. Đi sâu nghiên cứu địa danh Việt Nam một cách tổng hợp bằng phương pháp đa ngành, sẽ tăng chiều sâu và chiều rộng của Việt Nam học ở Trung Quốc, góp thêm một góc nhìn mới cho sự giao lưu văn hoá giữa hai nước, góp phần thực hiện tốt hơn nữa chức năng phục vụ xã hội của địa danh Việt Nam.

Đứng trước những tồn tại như trên, cần phải đẩy mạnh nghiên cứu địa danh Việt Nam ở Trung Quốc theo những hướng sau đây:

Thứ nhất, đi sâu triển khai nghiên cứu lý thuyết và ứng dụng. Trên bình diện lý thuyết, phải vận dụng tổng hợp các phương pháp ngôn ngữ học, văn hoá học, sử học, địa lý học, địa danh học để khai thác giá trị ngôn ngữ văn hoá và địa lý, lịch sử của địa danh Việt Nam. Không chỉ nghiên cứu dấu tích của văn hoá Trung Quốc cổ đại trong địa danh Việt Nam, mà còn cần nghiên cứu quá trình tiếp nhận, cải tạo văn hoá Trung Quốc (cũng như một số nền văn hoá nước ngoài khác) của hệ thống địa danh Việt Nam nói riêng, hệ thống văn hoá Việt Nam nói chung, và mục đích cuối cùng là qua đó để phân tích phương thức tư duy và bản sắc văn hoá Việt Nam. Trên bình diện ứng dụng, phải tận dụng những thành quả nghiên cứu lý thuyết để sớm lập ra nguyên tắc và phương pháp XLĐDVN trong tiếng Hán.

Thứ hai, tăng cường hợp tác liên ngành ở Trung Quốc. Do bối cảnh tri thức, tính chất công tác, mục đích nghiên cứu khác nhau, 3 ngành địa lý học lịch sử, Việt ngữ học, địa danh học có góc nhìn khác nhau đối với địa danh Việt Nam, nhưng sự giao thoa của chủ thể nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu là điều tất nhiên. Xu thế này được thể hiện càng rõ hơn trong khi nghiên cứu vấn đề văn hoá của địa danh Việt Nam bằng phương pháp địa lý học lịch sử, cũng như nghiên cứu phương pháp xử lý trong tiếng Hán bằng phương pháp ngôn ngữ, văn hoá và địa lý học lịch sử.

Thứ ba, đẩy mạnh giao lưu hợp tác giữa Trung Quốc và Việt Nam. Địa danh Việt Nam là di sản văn hoá của dân tộc Việt Nam, nhưng địa danh Hán Việt lại là di sản văn hoá chung của cả vùng văn hoá Hán, đây chính là cơ sở để học giả hai nước triển khai hợp tác. Lớp địa danh được đặt tên bằng tiếng nói dân tộc xuyên biên giới

giữa hai nước cũng là đối tượng cần được học giả hai nước cùng quan tâm. *Di sản Hán Nôm Việt Nam - thư mục đề yếu, Di sản Hán Nôm Việt Nam thư mục đề yếu bổ di và Việt Nam hán văn yên hành văn hiến tập thành* đã cung cấp kinh nghiệm và lòng tin cho sự hợp tác trong lĩnh vực nghiên cứu địa danh Việt Nam. Trong quá trình này, học giả Trung Quốc vừa có thể tận dụng những thành quả đã có của học giả Việt Nam, vừa

có thể tiếp cận nhiều sách Hán Nôm. Sự giao lưu và hợp tác này có ý nghĩa hết sức quan trọng đối với sự phát triển hơn nữa của ĐDHVN ở Trung Quốc. Đồng thời, thông qua sự cộng tác với đồng nghiệp Trung Quốc, các nhà nghiên cứu Việt Nam có thể sớm khôi phục toàn cảnh địa danh lịch sử của Việt Nam, tạo điều kiện cho việc phát huy tốt hơn nữa của địa danh lịch sử Việt Nam trong xã hội ngày nay.

CHÚ THÍCH

(1). Trâu Dật Lân, *Đàm Kỳ Tương bàn về địa danh học, Nghiên cứu địa danh học*, Khuất Hồng Chương chủ biên, Nxb. Nhân dân Liêu Ninh, năm 1984, Thẩm Dương, tr. 3.

(2). Dư Hương Đông, *Hiện trạng và suy nghĩ về Việt Nam học ở Trung Quốc*, Học báo đại học Trịnh Châu, 2005 (6), tr. 154-157.

(3). Lê Chính Phủ, *An Nam trong thời quận huyện*, Lời dẫn, tr. 3, Nxb. Thương mại ấn thư quán, 1945.

(4). Phùng Thừa Quân, *Bảng duyên cách tỉnh lộ An Nam*, Nxb. Thương vụ ấn thư quán, Bắc Kinh, 1962, tr. 124.

(5). Bài này đã tham gia Hội thảo quốc tế: Nghiên cứu và giảng dạy tiếng Việt lần thứ nhất.

(6). Hàn Quang Huy, *Ba giai đoạn phát triển của địa danh học Trung Quốc*, Khoa học xã hội Bắc Kinh, 1995 (4), tr. 95-100.

(7). Trần Kinh Hoà, Quá trình văn minh khai hoá của Việt Nam Nguyễn Trường Tộ và Trần Trọng Kim, theo Lời dịch giả của *Việt Nam sử lược* của Trần Trọng Kim do Đới Khả Lai dịch, Nxb. Thương vụ ấn thư quán, Bắc Kinh, 1992, tr. 5.

(8). Thẩm Lập Tân, *Sự thay đổi của phố Người Đường ở Tp Hồ Chí Minh* [J] Sử Lâm, 1993 (3), tr. 67-74.

(9). Trần Kế Hoa, *Phân loại địa danh Việt Nam theo ngữ nguyên* [J] Nghiên cứu Đông Nam Á, 2010 (2).

(10). Kỳ Quảng Mưu, *Ngôn ngữ học văn hoá tiếng Việt*, Nxb. Nghe nhìn Ngoại ngữ Quân Giải phóng, Lạc Dương, 2006, tr. 373-385.

(11). Phạm Hồng Quý, Lưu Chí Cường, *Nghiên cứu ngôn ngữ văn hoá Việt Nam*, Nxb. Dân tộc, Bắc Kinh, 2008, tr. 80-90.

(12). Tùng Quốc Thắng chủ biên, *Sổ tay địa danh hành chính Việt Nam*, Nxb. Nghị Văn Quân sự, Bắc Kinh, 2004, Thể lệ, tr. 1-4.

(13). Vương Tế Đồng, *Địa danh học ứng dụng*, Nxb. Xã hội Trung Quốc, Bắc Kinh, 1994, tr. 202-204.

(14). Phố Thiện Tân, <http://www.zsdmw.com/dmwh/shownews.asp?ID=244>, Mạng địa danh Châu Sơn.

(15). Hứa Triết Minh, Vương Minh Chí, *Bàn về phương pháp xử lý địa danh nước ngoài trong tiếng Hán*, Biên dịch tổng luận, tr. 146, Đài Loan quốc lập biên dịch quán, 2008.